

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX - PVC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Hà Nội, tháng 8 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trương Quốc Dũng	Chủ tịch
Ông Lê Minh Sơn	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 01/04/2014)
Ông Phan Đình Phong	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Quỳnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Thịnh	Ủy viên
Ông Ngô Bùi Ngọc	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 01/04/2014)

Ban Giám đốc

Ông Phan Đình Phong	Tổng Giám đốc
Ông Phí Mạnh Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Danh Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hàn Thành Công	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ báo cáo. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, đòi hỏi Ban Giám đốc của Công ty phải:

- Lựa chọn chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đức Thịnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy Ủy quyền số 709 UQ/VN - PVC/TCHC ngày 31/12/2013

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2014



Số: 171/2014/AP - BCSX

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC
SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex – PVC**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC (gọi tắt là "Công ty") tại ngày 30/6/2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 và các Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 4 đến trang 23 (sau đây gọi tắt là Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ). Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét báo cáo tài chính. Các chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công việc này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC tại ngày 30/6/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thương
Phó Giám đốc
Số giấy CNDKHN kiểm toán 0308-2013-148-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ
Thành viên độc lập của GMN International

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2014

Ngô Việt Thanh
Kiểm toán viên
Số giấy CNDKHN kiểm toán 1687-2013-148-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			30/06/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.005.585.459.110	981.489.340.347
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	17.540.575.250	29.555.966.947
1. Tiền	111		7.540.575.250	17.992.097.975
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	11.563.868.972
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.758.499.167	29.775.423.315
1. Đầu tư ngắn hạn	121		26.467.171.567	30.621.599.315
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(708.672.400)	(846.176.000)
III. Các khoản phải thu	130		419.570.863.913	424.680.748.162
1. Phải thu của khách hàng	131		176.002.497.094	190.454.178.104
2. Trả trước cho người bán	132		199.810.597.668	192.973.686.774
4. Các khoản phải thu khác	135		44.841.669.615	42.336.783.748
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.083.900.464)	(1.083.900.464)
IV. Hàng tồn kho	140	5	521.366.871.851	470.632.957.114
1. Hàng tồn kho	141		521.416.713.757	470.682.799.020
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(49.841.906)	(49.841.906)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.348.648.929	26.844.244.809
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		513.571.748	272.383.093
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.617.829.407	8.785.328.934
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6	19.217.247.774	17.786.532.782
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		404.383.834.985	388.980.724.548
II. Tài sản cố định	220		70.426.284.907	73.091.700.349
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	54.047.899.136	58.220.574.884
- Nguyên giá	222		101.315.688.629	101.931.011.208
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.267.789.493)	(43.710.436.324)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		40.000.000	40.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.000.000)	(40.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	16.378.385.771	14.871.125.465
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		241.773.545.359	222.073.545.359
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7.060.180.000	8.360.180.000
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	8	234.713.365.359	213.713.365.359
V. Tài sản dài hạn khác	260		92.184.004.719	93.815.478.840
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	89.797.426.886	93.603.892.228
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.293.888.833	118.897.612
3. Tài sản dài hạn khác	268		92.689.000	92.689.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.409.969.294.095	1.370.470.064.895

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014		01/01/2014	
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.225.085.717.751		1.167.664.232.950	
I. Nợ ngắn hạn	310		890.569.086.451		887.218.861.743	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	292.580.978.269		239.706.286.785	
2. Phải trả cho người bán	312		159.801.054.959		182.072.666.359	
3. Người mua trả tiền trước	313		170.814.628.626		216.849.281.808	
4. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	24.927.861.350		28.111.853.794	
5. Phải trả người lao động	315		10.196.672.996		10.521.597.144	
6. Chi phí phải trả	316		14.011.169.517		13.080.111.594	
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13	217.348.831.929		196.120.454.691	
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		887.888.805		756.609.568	
II. Nợ dài hạn	330		334.516.631.300		280.445.371.207	
3. Phải trả dài hạn khác	333		-		-	
4. Vay và nợ dài hạn	334	14	48.372.567.046		117.770.075.262	
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	15	286.144.064.254		162.675.295.945	
B. NGUỒN VỐN	400		166.437.780.841		183.443.193.683	
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	166.437.780.841		183.443.193.683	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000		300.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.069.800.000		15.069.800.000	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.297.160.969		4.258.437.707	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		331.155.203		305.339.694	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.124.000.479		1.124.000.479	
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(154.384.335.810)		(137.314.384.197)	
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		18.445.795.503		19.362.638.262	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.409.969.294.095		1.370.470.064.895	

Nguyễn Thị Hạnh
 Người lập

Nguyễn Thị Kim Hạnh
 Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Thịnh
 Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	48.956.864.436	106.711.072.215
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng	10		48.956.864.436	106.711.072.215
4. Giá vốn hàng bán	11	18	41.366.861.993	99.780.467.311
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		7.590.002.443	6.930.604.904
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.638.406.371	3.778.319.981
7. Chi phí tài chính	22	19	16.271.308.120	17.640.245.322
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.408.811.720	17.597.936.522
8. Chi phí bán hàng	24		830.970.776	1.463.017.456
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	12.910.260.977	13.735.560.729
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(18.784.131.059)	(22.129.898.622)
11. Thu nhập khác	31		4.516.999.209	2.687.831.919
12. Chi phí khác	32		4.106.135.936	2.898.609.765
13. Lợi nhuận khác	40		410.863.273	(210.777.846)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(18.373.267.786)	(22.340.676.468)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.430.354.332	386.042.261
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(1.360.589.057)	(74.997.922)
17. Lợi nhuận sau thuế	60		(18.443.033.061)	(22.651.720.807)
Trong đó: Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số	61		91.219.035	(2.064.703.452)
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	62		(18.534.252.096)	(20.587.017.355)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(618)	(686)


Nguyễn Thị Hạnh
Người lập

Nguyễn Thị Kim Hạnh
Kế toán trưởngNguyễn Đức Thịnh
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(18.373.267.786)	(22.340.676.468)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.435.464.705	5.530.019.367
- Các khoản dự phòng	03	-	95.570.772
- Lãi/ (lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	5.237.687.782	(934.201.945)
- Chi phí lãi vay	06	16.408.811.720	17.597.936.522
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	7.708.696.421	(51.351.752)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	7.957.911.620	19.932.893.996
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(50.733.914.737)	(24.775.062.744)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không gồm lãi vay, thuế TNDN)	11	55.172.422.757	(12.122.542.486)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.565.276.687	4.460.147.558
- Tiền lãi vay đã trả	13	(476.513.070)	(3.255.479.197)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(218.362.415)	(600.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.163.005.571	1.989.301.699
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.083.850.000)	(122.588.481)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>23.054.672.834</i>	<i>(14.544.681.407)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(3.371.945.056)	(489.363.813)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	563.727.273	1.092.479.841
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(21.800.000.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.500.000.000	3.404.460.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	183.294.495	3.696.670.818
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(21.924.923.288)</i>	<i>7.704.246.846</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	13.338.918.180	30.915.037.444
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(26.484.059.423)	(23.942.021.401)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(13.145.141.243)</i>	<i>6.973.016.043</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	<i>(12.015.391.697)</i>	<i>132.581.482</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	29.555.966.947	5.439.583.925
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ		17.540.575.250	5.572.165.407

Nguyễn Thị Hạnh
Người lập

Nguyễn Thị Kim Hạnh
Kế toán trưởngNguyễn Đức Thịnh
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC ("Công ty") là công ty cổ phần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103015409 ngày 15/1/2007. Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gần nhất ngày 10/08/2014. Vốn Điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 300 tỷ đồng.

Công ty có các Công ty con như sau:

- Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng công nghiệp PVV;
- Công ty Cổ phần Kiến trúc Vina - Petro;
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Xây dựng Đông Thành;
- Công ty Cổ phần khai thác đá Thừa Thiên Huế.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 12 - Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH2, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội. Từ ngày 22/07/2013 Công ty chuyển trụ sở giao dịch đến Tòa nhà CT2A - Khu đô thị mới Cổ Nhuế, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình điện đến 35KV, trang trí nội thất, ngoại thất các công trình;
- San lấp mặt bằng, xử lý nền móng công trình;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán ô tô và máy móc, thiết bị phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, lắp ráp mua bán dụng cụ, công cụ, thiết bị hỗ trợ, cứu nạn;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô, cho thuê xe;
- Trồng và bán cây xanh;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê máy móc thiết bị, vật tư vật liệu ngành xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh nhà hàng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành được chấp nhận tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu công nợ, tài sản và việc trình bày những khoản công nợ, tài sản tiềm tàng tại ngày báo cáo tài chính phải được báo cáo và khoản doanh thu, chi phí trong suốt kỳ báo cáo. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Thuyết minh về công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các Quyết định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng phải thu khó đòi cho những khoản thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm, trạng thái hiện tại. Giá gốc được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí tiếp thị, chi phí bán hàng, chi phí phân phối sản phẩm đã phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, toàn bộ chi phí khác liên quan trực tiếp đến quá trình đưa tài sản vào vị trí và trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do tự sản xuất hoặc tự xây dựng là chi phí sản xuất, xây dựng cộng với chi phí cho việc lắp đặt và chi phí chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên ước tính thời gian sử dụng hữu ích, cụ thể như sau:

	Năm
Máy móc, thiết bị	6 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	9 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 4

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính, được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê văn phòng trả trước; giá trị công cụ dụng cụ, linh kiện loại nhỏ xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ 1 năm trở lên; chi phí trả trước để được chuyển giao quyền sử dụng các nhãn hiệu hàng hóa của Vinaconex theo hợp đồng Li-xăng ký giữa hai bên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Chi phí trả trước thuế văn phòng tại Tầng 12 - Tòa nhà Vinaconex 9 - đường Phạm Hùng - Từ Liêm - Hà Nội được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh tương ứng với thời hạn thuế 46 năm.

Giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ xuất dùng được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

Chi phí trả trước để nhận chuyển giao quyền sử dụng các nhãn hiệu hàng hóa của Vinaconex được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ phù hợp với thời gian chuyển giao theo hợp đồng là 20 năm.

Chi phí trả trước của Công trình Tạp chí Cộng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng thời gian phân bổ doanh thu khai thác công trình trong thời gian 20 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu dịch vụ được ghi nhận dựa trên tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán về Hợp đồng xây dựng (được trình bày chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng và thông báo lãi của ngân hàng. Lãi từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận các khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản được ghi nhận theo tiến độ thu tiền trong các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở theo hướng dẫn tại thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi các chi phí này phát sinh.

Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% lợi nhuận thu được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Việc xác định số thuế phải nộp được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.357.690.950	825.422.432
Tiền gửi ngân hàng	6.182.884.300	17.166.675.543
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	11.563.868.972
Cộng	<u>17.540.575.250</u>	<u>29.555.966.947</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	115.401.040	-
Nguyên liệu, vật liệu	600.999.432	659.436.631
Công cụ, dụng cụ	503.220.515	489.266.896
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	519.198.163.163	467.846.347.912
Thành phẩm	998.669.607	1.687.487.581
Hàng hóa	260.000	260.000
Hàng gửi bán	-	-
Cộng	<u>521.416.713.757</u>	<u>470.682.799.020</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(49.841.906)	(49.841.906)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	<u>521.366.871.851</u>	<u>470.632.957.114</u>

6. Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác bao gồm 13.000.000.000 đồng là số dư khoản đặt cọc của Công ty mẹ tại ngân hàng TMCP Đại Dương để mua cổ phần và 26.280.742.313 đồng là số dư tạm ứng cho các cán bộ công nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX - PVC

Tòa nhà CT2A - Khu đô thị mới Cổ Nhuế
Huyện Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

MAU B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị văn phòng		Tài sản khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ												
Tại 01/01/2014	2.921.656.142	91.786.876.532	6.080.037.327	818.393.566	324.047.641	101.931.011.208						
Tăng trong kỳ	-	1.864.684.750	-	-	-	1.864.684.750						
Tăng do mua sắm	-	1.864.684.750	-	-	-	1.864.684.750						
Giảm trong kỳ	-	2.012.007.329	468.000.000	-	-	2.480.007.329						
Thanh lý	-	1.976.092.329	468.000.000	-	-	2.444.092.329						
Giảm khác	-	35.915.000	-	-	-	35.915.000						
Tại 30/06/2014	2.921.656.142	91.639.553.953	5.612.037.327	818.393.566	324.047.641	101.315.688.629						
KHẤU HAO LŨY KẾ												
Tại 01/01/2014	2.303.802.701	38.455.089.495	1.912.121.533	782.708.122	256.714.473	43.710.436.324						
Khấu hao trong kỳ	38.286.498	4.057.930.957	309.176.648	11.589.366	18.481.236	4.435.464.705						
Thanh lý nhượng bán	-	721.310.918	123.500.000	-	-	844.810.918						
Giảm khác	-	33.300.618	-	-	-	33.300.618						
Tại 30/06/2014	2.342.089.199	41.758.408.916	2.097.798.181	794.297.488	275.195.709	47.267.789.493						
GIÁ TRỊ CÒN LẠI												
Tại 01/01/2014	617.853.441	53.331.787.037	4.167.915.794	35.685.444	67.333.168	58.220.574.884						
Tại 30/06/2014	579.566.943	49.881.145.037	3.514.239.146	24.096.078	48.851.932	54.047.899.136						

Một số máy móc, thiết bị của Công ty với giá trị còn lại tại ngày 30/6/2014 là 68.984.021.637 đồng đang được thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ các tổ chức tín dụng trong nước (xem thuyết minh số 14).

Nguyên giá Tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2014 là 5.729.826.686 đồng (tại ngày 31/12/2013 là 867.806.102 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. Đầu tư dài hạn khác

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Thành phố Xanh (i)	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp Dầu khí IMICO (ii)	101.926.729.102	101.926.729.102
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 (iv)	21.000.000.000	-
Công ty CP đầu tư và khoáng sản Bắc Trung Bộ (iii)	91.627.276.257	91.627.276.257
Các khoản đầu tư dài hạn khác	159.360.000	159.360.000
Cộng	<u>234.713.365.359</u>	<u>213.713.365.359</u>

- (i) Khoản góp vốn vào Công ty TNHH Thành phố Xanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư dự án khu nhà ở chung cư tại Phường Phú Hữu, Quận 9 - Thành Phố Hồ Chí Minh - Sunflower City. Theo đó, Công ty sẽ nắm giữ 51% quyền sở hữu trong dự án sau khi góp đủ vốn theo tiến độ Hợp đồng (tương đương khoảng 5.992.500 Đô-la Mỹ).
- (ii) Khoản góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư xây lắp Dầu khí IMICO để đầu tư Dự án Khu chung cư cao cấp, dịch vụ hỗn hợp - Khu Đô thị Nam An Khánh - Hà Nội, thuộc lô HH3 của Dự án Nam An Khánh, xã An Khánh, Huyện Hoài Đức - Hà Nội. Theo đó phần vốn góp của Công ty tương ứng 20% giá trị vốn góp của dự án. Mặc dù dự án được triển khai chậm hơn so với tiến độ qui định trong hợp đồng do nguyên nhân khách quan, tuy nhiên Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng khoản đầu tư không bị suy giảm giá trị và vì vậy không phải trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này.
- (iii) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Bắc Trung Bộ theo hợp đồng UT số 3010/2013/UTQLV/FIT ngày 30/10/2013 và biên bản thoả thuận 3 bên số 01-1111/TT/FIT- KSBTB ngày 11/11/2013 giữa Công ty Cổ phần đầu tư F.I.T, Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Vinaconex - PVC và Công ty Cổ phần đầu tư khoáng sản Bắc Trung Bộ.
- (iv) Khoản đầu tư cổ phiếu vào Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 theo Hợp đồng mua bán cổ phần, số cổ phần là 2.100.000 cổ phần, Công ty đã chuyển tiền đủ 21 tỷ đồng theo hợp đồng mua bán trên trong tháng 5/2014, tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán Công ty chưa được cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30/6/2014 bao gồm 12.028.218.927 đồng là tiền Công ty Cổ phần xây dựng dân dụng công nghiệp PVV ("PVV IC") - Công ty con đã chi để đầu tư mua lại nhà xưởng, thiết bị của Công ty cổ phần Cơ khí nông nghiệp Yên Mô - Ninh Bình. Công ty Cổ phần cơ khí nông nghiệp Yên Mô - Ninh Bình đã bàn giao về mặt hiện vật các tài sản cho PVV IC tiến hành sản xuất thử. Đến thời điểm hiện tại Công ty vẫn chưa thực hiện hết các nghĩa vụ theo hợp đồng mua bán nhà xưởng.

10. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng	9.519.927.454	9.632.634.994
Chi phí mua công cụ, dụng cụ	5.181.253.958	7.321.017.161
Thương hiệu nhượng quyền Vinaconex	4.415.342.467	4.565.342.467
Chi phí đầu tư công trình Tạp chí Cộng sản	66.163.313.617	67.995.641.242
Chi phí dài hạn khác	4.517.589.390	4.089.256.364
Cộng	<u>89.797.426.886</u>	<u>93.603.892.228</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí đầu tư công trình Tạp chí Cộng sản theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh với Tạp chí Cộng sản, theo đó hai bên cùng nhau hợp tác kinh doanh dưới hình thức Công ty thực hiện xây dựng tòa nhà tại vị trí Văn phòng Tạp chí Cộng sản phía Nam và được phép kinh doanh trong vòng 20 năm (sau khi bàn giao một tầng hầm và một lầu cho Tạp chí Cộng sản). Theo đó, sau khi công trình xây dựng hoàn thành, Công ty đã cho đối tác khác thuê lại với thời gian 20 năm và ghi nhận chi phí xây dựng tòa nhà là chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong vòng 20 năm tương ứng với thời gian phân bổ doanh thu đã nhận trước và bắt đầu phân bổ từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 (xem thuyết minh số 15).

II. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	210.321.450.533	227.710.267.265
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (i)	58.257.179.010	60.367.410.260
Ngân hàng TMCP Quốc tế (ii)	88.863.490.674	88.863.490.674
Công ty cổ phần Đầu tư Thế kỷ (iii)	17.751.000.000	20.506.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội (iv)	9.746.485.346	20.181.127.817
Ngân hàng Đầu tư và phát triển VN	9.518.208.263	1.240.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	6.675.272.000	7.005.272.000
Vay cá nhân	15.914.275.240	25.951.426.514
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Long Trung Sơn	1.595.540.000	1.595.540.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	82.259.527.736	11.996.019.520
Cộng	292.580.978.269	239.706.286.785

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam được chuyển đổi từ khoản vay của Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam bao gồm 2 hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 18/TDHM-BL-NH/TD10 ngày 10 tháng 03 năm 2011. Khoản tín dụng này với hạn mức là 280.000.000.000 đồng. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay tối đa không qua 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất thay đổi theo từng lần giải ngân.
- Hợp đồng tín dụng số 10/TDĐT-TH/TTGHO12 ngày 22 tháng 03 năm 2012 với hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng, thời hạn vay không quá 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Hai hợp đồng tín dụng này đều được gia hạn thời gian trả nợ cuối cùng đến ngày 03/11/2015.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB) - Hội sở chính, theo Hợp đồng tín dụng số 2782/HDDTD2-VIB08/11 ngày 15 tháng 8 năm 2011 và các phụ lục kèm theo với hạn mức là 100.000.000.000 đồng, thời hạn vay không quá 12 tháng. Lãi suất vay do Ngân hàng qui định tại thời điểm giải ngân và được qui định trong Khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trong tương lai theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2782.02/2013/BĐ ngày 08/3/2013. Theo biên bản định giá ngày 5/3/2013 tổng giá trị tạm tính của tài sản đảm bảo là 42.000.000.000 đồng và Công ty cam kết đóng tiền về tài khoản tại VIB năm 2013 trong tất cả các hoạt động của mình không thấp hơn 60 tỷ đồng. Khoản vay này đã quá hạn thanh toán, Công ty đang làm việc với phía ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế để gia hạn thời hạn trả nợ vay

(iii) Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Kỷ, theo Hợp đồng vay vốn ngày 2/8/2010 với số tiền là 48.600.000.000 đồng, thời hạn vay 9 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất không đổi là 9%/năm trong suốt quá trình vay. Thời hạn vay có thể được điều chỉnh nếu Công ty gửi thông báo gia hạn nhưng không kéo dài quá 9 tháng tính từ ngày kết thúc thời hạn. Khoản vay này đã quá hạn thanh toán tuy nhiên chưa có biên bản gia hạn thời hạn trả nợ khoản vay này.

(iv) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), theo các Hợp đồng tín dụng hạn mức với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này đã quá hạn thanh toán, Công ty đang làm việc với Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội để gia hạn thời hạn trả nợ vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	14.771.191.430	19.110.274.518
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.902.029.371	4.690.037.454
Thuế thu nhập cá nhân	2.525.864.940	2.526.563.842
Thuế tài nguyên	725.306.837	850.077.554
Các khoản thuế khác, phí, lệ phí	1.003.468.772	934.900.426
Cộng	24.927.861.350	28.111.853.794

13. Các khoản phải trả khác, phải nộp khác

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.603.323.316	1.635.522.209
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	6.368.224.897	6.372.066.894
Lãi vay phải trả	110.932.046.732	92.538.601.969
Cổ tức	8.167.052.000	6.342.421.863
Ngân hàng TMCP Đại Dương (*)	80.000.000.000	80.000.000.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	10.278.184.984	9.231.841.756
Cộng	217.348.831.929	196.120.454.691

(*) Khoản tạm ứng vốn từ Ngân hàng TMCP Đại Dương theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ký giữa Công ty và Ngân hàng, kỳ hạn là 36 tháng kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2010 với mục đích tài trợ cho Dự án xây dựng của Công ty.

14. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (i)	117.785.756.927	117.785.756.927
Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam	1.489.866.667	453.366.667
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (ii)	11.356.471.188	11.526.971.188
Cộng	130.632.094.782	129.766.094.782
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng</i>	<i>(82.259.527.736)</i>	<i>(11.996.019.520)</i>
Nợ dài hạn phải trả sau 12 tháng	48.372.567.046	117.770.075.262

(i) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam được chuyển đổi từ khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam trước đây theo các Hợp đồng tín dụng sau:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 49/TDĐT-BL-TH/TD10 có lãi suất thay đổi được thông báo tại thời điểm giải ngân. Lãi suất của khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 03/TDĐT-TH/TD10 được xác định bằng lãi suất tham chiếu (+3,5%/năm) được giới hạn bởi lãi suất cho vay tối thiểu và tối đa theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Lãi và gốc được thanh toán 3 tháng/lần. Các khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem Thuyết minh số 8). Hai khoản vay này đều được gia hạn thời gian trả nợ theo các phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 22/10/2013; thời gian trả nợ cuối cùng là ngày 3/11/2015. Giá trị khoản vay dài hạn của hai hợp đồng này lần lượt là 14.155.898.721 đồng và 9.795.581.180 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Hợp đồng tín dụng số 18/TDHM-BL-NH/TD10 ngày 10 tháng 03 năm 2011 và hợp đồng tín dụng số 10/TDĐT-TH/TTGHO12 ngày 22 tháng 03 năm 2012 đã được gia hạn thời gian trả nợ đến năm 2015. Giá trị khoản vay dài hạn của hai hợp đồng này sau khi được gia hạn thời gian trả nợ lần lượt là 50.289.843.514 đồng và 43.544.434.512 đồng.
- (ii) Khoản vay ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - chi nhánh Mỹ Đình theo Hợp đồng vay số 1410-LAV 201200241/HDTD ngày 26/6/2012 với gốc vay là 12.400.000.000 đồng, mục đích là tài trợ khoản đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng tại Nhà máy chế biến gỗ ván ép tại Huyện Yên Mô, Ninh Bình. Thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất tiền vay là 18%/năm và sẽ được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

15. Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền nhận theo tiến độ của các hợp đồng chuyển nhượng Bất động sản (1)	190.421.089.987	66.671.381.271
Tiền cho thuê văn phòng tại Tòa nhà Tạp chí Cộng sản (2)	85.061.894.491	87.515.602.985
Tiền cho thuê Văn phòng tại tòa nhà Vinaconex 9 (3)	8.389.610.391	8.488.311.689
Công trình N03 Khu ngoại giao đoàn (4)	2.271.469.385	-
Cộng	286.144.064.254	162.675.295.945

- (1) Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền nhận được theo tiến độ của các hợp đồng mua bán căn hộ tại chung cư CT2A- khu đô thị mới Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội.
- (2) Doanh thu chưa thực hiện là số tiền thu được từ việc cho đối tác thuê văn phòng tại Tòa nhà Cơ quan thường trực Công trình Tạp chí Cộng sản theo Hợp đồng số 03/PVFC-PVC VINACONEX ngày 10 tháng 12 năm 2010. Theo đó, Doanh thu được ghi nhận từng kỳ tương ứng với thời gian cho thuê văn phòng của công trình là 20 năm kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 (xem Thuyết minh số 9).
- (3) Doanh thu chưa thực hiện là số tiền thu được từ việc cho đối tác thuê văn phòng tại tầng 12 tòa nhà Vinaconex 9, theo hợp đồng số 03/2013 ngày 18/3/2013. Doanh thu được ghi nhận từng kỳ tương ứng với thời gian thuê còn lại của Công ty là 43 năm kể từ ngày 18/3/2013.
- (4) Doanh thu chưa thực hiện là số tiền khách hàng ứng trước, Công ty đã phát hành hóa đơn VAT, và thực hiện kết chuyển vào doanh thu theo từng lần nghiệm thu thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX - PVC

Tòa nhà CT2A - Khu đô thị mới Cổ Nhuế
Huyện Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

MÀU B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2013	300.000.000.000	15.069.800.000	1.304.890.508	3.983.348.054	219.501.631	(40.788.826.115)	279.788.714.078
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(100.220.720.268)	(100.220.720.268)
Tặng khác	-	-	77.524.298	217.885.929	51.515.829	5.432.174.399	5.779.100.455
Trích lập các quỹ	-	-	-	57.203.724	34.322.234	(904.074.477)	(812.548.519)
Giảm khác	-	-	(258.414.327)	-	-	(832.937.736)	(1.091.352.063)
Tại 31/12/2013	300.000.000.000	15.069.800.000	1.124.000.479	4.258.437.707	305.339.694	(137.314.384.197)	183.443.193.683
Tặng Vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(18.443.033.061)	(18.443.033.061)
Tặng khác	-	-	-	-	-	2.147.339.921	2.147.339.921
Trích lập các quỹ	-	-	-	129.077.541	86.051.695	(774.258.473)	(559.129.237)
Giảm khác	-	-	-	(90.354.279)	(60.236.186)	-	(150.590.465)
Tại 30/06/2014	300.000.000.000	15.069.800.000	1.124.000.479	4.297.160.969	331.155.203	(154.384.335.810)	166.437.780.841

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	20.818.083.494	15.960.086.025
Doanh thu hợp đồng xây dựng	28.138.780.942	90.750.986.190
Cộng	48.956.864.436	106.711.072.215
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	48.956.864.436	106.711.072.215
18. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	15.520.884.480	41.859.785.797
Doanh thu hợp đồng xây dựng	25.845.977.513	57.920.681.514
Cộng	41.366.861.993	99.780.467.311
19. Chi phí hoạt động tài chính	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	16.408.811.720	17.597.936.522
Dự phòng/ (Hoàn nhập) giảm giá đầu tư chứng khoán	(137.503.600)	-
Chi phí tài chính khác	-	42.308.800
Cộng	16.271.308.120	17.640.245.322
20. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.048.699.487	6.585.099.521
Chi phí vật liệu quản lý	796.738.671	316.169.744
Chi phí đồ dùng văn phòng	99.236.643	145.209.282
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.531.469.314	2.079.591.521
Thuế, phí, lệ phí	91.789.559	472.235.968
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.010.070.451	2.420.441.545
Chi phí bằng tiền khác	2.332.256.852	1.716.813.148
Cộng	12.910.260.977	13.735.560.729

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	30/06/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.540.575.250	29.555.966.947
Phải thu khách hàng và phải thu khác	219.760.266.245	231.707.061.388
Các khoản đầu tư	260.312.504.526	151.861.512.417
Tài sản tài chính khác	13.000.250.400	13.000.250.400
Cộng	510.613.596.421	426.124.791.152
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	340.953.545.315	357.476.362.047
Phải trả người bán và phải trả khác	369.178.338.675	370.185.531.947
Chi phí phải trả	14.011.169.517	13.080.111.594
Cộng	724.143.053.507	740.742.005.588

Ngoài việc thực hiện các biện pháp dự phòng rủi ro theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính đối với các khoản phải thu khó đòi, các khoản đầu tư bị tổn thất, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc giá trị của dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự biến động về giá trên thị trường. Rủi ro thị trường bị ảnh hưởng bởi các loại: Rủi ro lãi suất và rủi ro giá cả khác. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất trên thị trường.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất liên quan đến dòng tiền là rủi ro khi dòng tiền trong tương lai của công cụ tài chính diễn biến bất thường do những biến động của lãi suất thị trường. Công ty chịu rủi ro lãi suất chủ yếu phát sinh từ các khoản cho vay hưởng lãi suất, các khoản đi vay chịu lãi suất đã được ký kết do các Hợp đồng vay vốn được qui định theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng chiến lược phân tích và dự báo thị trường, lựa chọn thời điểm và ngân hàng phù hợp, duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Quản lý rủi ro về giá cả**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn (đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá trên thị trường). Hiện tại, Công ty chịu rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào nhóm cổ phiếu sẵn sàng để bán. Để quản lý được rủi ro này, Công ty áp dụng các biện pháp như: Tải cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng giảm thiểu rủi ro ở mức có thể chấp nhận được, đồng thời Công ty xác định các khoản đầu tư vào công cụ vốn khác sẽ được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong ngắn hạn.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách xây dựng chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không để có biện pháp thu hồi công nợ cũng như đưa ra phương án dự phòng rủi ro phù hợp.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát được tương ứng với nguồn vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yếu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phải sinh (bao gồm cả gốc và lãi) và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận và được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính.

30/06/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	159.801.054.959	-	159.801.054.959
Phải trả khác	209.377.283.716	-	209.377.283.716
Các khoản vay	292.580.978.269	48.372.567.046	340.953.545.315
Chi phí phải trả	14.011.169.517	-	14.011.169.517
Cộng	675.770.486.461	48.372.567.046	724.143.053.507

01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	182.072.666.359	-	182.072.666.359
Phải trả khác	188.112.865.588	-	188.112.865.588
Các khoản vay	239.706.286.785	117.770.075.262	357.476.362.047
Chi phí phải trả	13.080.111.594	-	13.080.111.594
Cộng	622.971.930.326	117.770.075.262	740.742.005.588

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phải sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính (bao gồm cả lãi từ các tài sản đó, nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phải sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30/06/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tiền và tương đương tiền	17.540.575.250	-	17.540.575.250
Phải thu khách hàng và phải thu khác	219.760.266.245	-	219.760.266.245
Các khoản đầu tư	25.758.499.167	234.554.005.359	260.312.504.526
Tài sản khác	13.000.250.400	-	13.000.250.400
Cộng	276.059.591.062	234.554.005.359	510.613.596.421
01/01/2014			
Tiền và tương đương tiền	29.555.966.947	-	29.555.966.947
Phải thu khách hàng và phải thu khác	231.707.061.388	-	231.707.061.388
Các khoản đầu tư	29.775.423.315	122.086.089.102	151.861.512.417
Tài sản khác	13.000.250.400	-	13.000.250.400
Cộng	304.038.702.050	122.086.089.102	426.124.791.152

Đo lường theo giá trị hợp lý

Các tài sản tài chính và công nợ tài chính của Công ty đang được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá tài sản. Do vậy giá trị ghi sổ của các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính của Công ty có thể khác biệt với giá trị hợp lý (theo giá thị trường).

Hiện tại, Công ty chưa thực hiện xác định giá trị Hợp lý của tất cả các tài sản tài chính và công nợ tài chính của mình do đang chờ Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn việc xác định và trình bày giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính.

22. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong kỳ hoạt động, Công ty có số dư với bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam	5.868.941.527	5.868.941.527
Người mua trả tiền trước		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam	117.168.651.493	117.168.651.493

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có bất kỳ sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính kỳ hiện tại.

24. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính của Công ty là số liệu bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2014, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH kiểm toán An Phú.



Nguyễn Thị Hạnh
Người lập



Nguyễn Thị Kim Hạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Thịnh
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2014